

## **Bản sắc văn hóa trong Nền kinh tế nổi kết**

TS Lê Thanh Hải

Nghiên cứu viên trong nhóm Xã hội học lý thuyết thuộc khoa Triết và Xã hội học, Viện hàn lâm khoa học Ba Lan. Sống và làm việc cho cục di trú tại Anh, thỉnh giảng tại Ba Lan (cao học biên phòng, Đại học mang tên hồng y Stefan Wyszynski) và Việt Nam (khoa truyền thông, Đại học Văn hóa). Đồng tổ chức hội thảo quốc tế về người Việt ở nước ngoài tại Viện hàn lâm khoa học Ba Lan và Đại học tổng hợp Warszawa 2014. Đồng tác giả tập sách tiếng Ba Lan về Tranh chấp biển đảo ở bờ tây Thái Bình Dương 2014. Tác giả sách cảm nang Du Học Anh (NXB Trẻ 2017), du ký Ném Sake ở Kobenhavn (NXB Văn hóa Văn nghệ tp.HCM 2016), sách lý luận Giá trị thặng dư trong Nền kinh tế nổi kết (NXB Chính trị Quốc gia Sự thật 2016).

### **Tóm tắt:**

Tên bài viết này cũng là sẽ là tên quyển thứ ba của tác giả trong bộ sách phân tích các góc cạnh và lý thuyết ứng dụng cho Việt Nam trong bối cảnh đương đại của Nền kinh tế nổi kết. Bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam vốn là đề tài nghiên cứu của tác giả trong suốt thập niên 2000s và kết thúc bằng luận văn tiến sĩ, mà trong tập sách này sẽ tập trung hơn vào hướng ứng dụng, mà cụ thể là xác định giá trị của sản phẩm, có thể trở thành hàng hóa mang giá trị, từ kho tàng bản sắc văn hóa dân tộc. Sau phong trào bàn luận về sự đậm đà của bản sắc dân tộc do bộ trưởng văn hóa Nguyễn Khoa Điềm khởi xướng vào thập niên 1990s cùng một loạt ấn phẩm tạo ảnh hưởng sâu rộng của các học giả như Trần Ngọc Thêm và Phan Ngọc, khái niệm này bỗng nhiên thiếu nội dung tiếp nối trong bối cảnh xã hội Việt Nam còn quá nhiều vấn đề khác cần quan tâm sau ngày mở cửa phải đối phó với cơn sóng toàn cầu. Tác giả bài viết này có tham vọng lấp khoảng trống đó về lý thuyết ứng dụng cho bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam. Đến với hội thảo hè Budapest 2017 bằng một số luận điểm mang tính đề cương dưới đây, người viết mong nhận được nhiều chia sẻ từ giới chuyên gia Việt Nam học từ nhiều ngành nghề khác nhau để nghiên cứu ứng dụng trong bối cảnh thế giới đang vận hành trong một trật tự hoàn toàn mới có thể tạm gọi là một nền kinh tế nổi kết.

### **Giá trị thặng dư của văn hóa**

Phát hiện của Karl Marx về giá trị thặng dư đã mở ra góc nhìn xã hội vào các mối quan hệ mà trước đó chỉ được coi đơn thuần là kinh tế. Khi một phương thức sản xuất vận hành tốt thì tự bản thân nó sẽ tạo ra giá trị của cải cho xã hội, và tiến trình lịch sử sẽ dần phân phối lại nguồn giá trị dư thừa đó sao cho công bằng và ổn định hơn. Đó phần nào là hướng tiếp cận của hệ phái kinh tế chính trị mà chủ nghĩa cộng sản là một. Ở các nước phương Tây góc nhìn của Marx về mối quan hệ xã hội mang tính mâu thuẫn giữa các giai cấp hay nhóm, cùng với duy vật biện chứng, trở thành một trong số các hướng đi trong các ngành khoa học xã hội và nhân văn. Sản phẩm truyền thông có thể trở thành đối tượng nghiên cứu để phát lộ mối quan hệ quyền lực, và cỗ máy kinh tế cho một sản phẩm mới có

thể coi như là một tổ chức khai phá đi tiên phong xây dựng các mối quan hệ mới trong xã hội. Mua bán, như cách nhìn nguyên thủy của Marx, thực ra là một sự thiết lập mối quan hệ xã hội kèm theo là sự khẳng định thứ bậc thông qua giá trị của sức lao động.

Giá trị của một mối quan hệ, hay một vật phẩm được trao đổi thông qua mối quan hệ đó, không phải duy nhất chỉ có thể đo bằng lượng tiền dùng để trao đổi. Tương tự vậy, nguồn vốn đầu tư vào cho một hệ thống quan hệ mới không phải duy nhất chỉ có thể thực hiện bằng cách đổ tư bản vào. Giá trị còn có thể được tính bằng chính thước đo vốn xã hội, hay vốn văn hóa, như góc nhìn của Pierre Bourdieu. Một món quà bên cạnh giá trị tiền bạc còn mang kèm theo giá trị của một mối quan hệ xã hội, hay biểu hiện văn minh của một nền văn hóa. Các giá trị này có thể hoán chuyển qua lại cho nhau, ví dụ như khi phụ huynh dùng tiền để đầu tư văn hóa cho con để đến khi đứa bé thành người lớn có thể bán dần nguồn tài nguyên bền vững này thành tiền nuôi sống bản thân, như bằng cấp hay khả năng nghệ thuật. Về đẹp hay giới tính cũng thường được coi là nguồn vốn tự có, giống như tất cả mọi thứ có thể chuyển đổi, ví dụ như động tác làm nông của những người phụ nữ miền quê được xây dựng thành điệu múa của Eo Sola. Nghiên cứu của Arjun Appadurai còn phát hiện thêm nhiều không gian kiểu như vậy, như là không gian kỹ thuật hay không gian sắc tộc, cho phép các nguồn vốn dịch chuyển và tạo ra chuyển động trong xã hội.

Trong khuôn khổ đề cương này, có thể tóm lại là văn hóa – cả vật thể lẫn phi vật thể – luôn mang giá trị xã hội, tức là giá trị thặng dư để tạo thêm ra của cải cho xã hội, không nhất thiết phải ngay lập tức là của cải tiền bạc vật chất, mà là những loại hình của cải trong các không gian giá trị khác nhau, mà nếu con người biết đầu tư khai thác thì sẽ chuyển được thành của cải vật chất.

### **Tôn giáo và phát triển**

Một trong số những giá trị văn hóa được gắn kết sâu chặt nhất vào cuộc sống hàng ngày của người Việt là tôn giáo và tín ngưỡng, mà trong bài này sẽ được gọi chung là tôn giáo, bao gồm cả những tôn giáo có hệ phái tổ chức lẫn những tôn giáo chỉ là tín ngưỡng dân gian lan truyền với nhiều loại phiên bản khác nhau. Trong cách nhìn cổ điển, tôn giáo bị coi là thuốc phiện và ngăn chặn phát triển, nhưng nếu nhìn từ góc cạnh giá trị như vừa trình bày ở trên thì đây là nguồn vốn văn hóa và vốn xã hội thuộc loại quan trọng nhất cho phát triển bền vững. Tôn giáo ở Việt Nam là ví dụ minh họa thuộc loại toàn diện nhất cho sức mạnh của nguồn vốn văn hóa.

Ở miền Bắc từ sau 1954 và ở miền Nam từ sau 1975 tôn giáo bị đặt vào thế đối lập với chủ thuyết cộng sản và bị diệt trừ qua nhiều phong trào xóa bỏ mê tín dị đoan. Thế nhưng các nghiên cứu trong thập niên 1990s như của Philip Taylor ghi nhận sự hồi phục và phát triển mạnh mẽ của nhiều nhánh tôn giáo và tín ngưỡng khác nhau. Trong suốt hàng chục năm bị cấm đoán và không có cơ hội hoạt động, các thể loại tín ngưỡng dân gian vẫn âm thầm được chuyển giao từ thế hệ này sang thế hệ khác, chỉ chờ có cơ hội là trỗi dậy trở lại. Cùng với lễ hội địa phương, người ta được xem lại các hoạt động của tín ngưỡng phồn thực như nghi lễ Tình phộc ở Phú Thọ, hay hầu đồng, chọi trâu, chém heo v.v. và đặc biệt nhất là giỗ chạp. Tín ngưỡng không đi kèm với hệ phái tổ chức dễ dàng hòa trộn vào cả bên trong cơ cấu tổ chức nhà nước như hội xin ấn đền Trần ở Hà Nam, hay bàn thờ trong cơ quan. Bí thư tỉnh ủy Thái Bình còn công khai hậu thuẫn cho các công trình xây chùa và đền miếu ở quần thể chùa An Kỳ. Các tổ chức tôn giáo công khai đối đầu với chủ thuyết cộng sản cũng tìm được chỗ đứng cho mình, như dòng tu Chúa Cứu Thế ở nhà thờ Thái Hà, Hà Nội. Hiện tượng linh mục tu

“chui” rồi thụ phong “chui” và truyền đạo “chui” trở thành những câu chuyện được kính nể, đặc biệt là ở những điểm nóng như giáo phận Hưng Hóa ở miền tây bắc Việt Nam. Trong cơ cấu được cho phép của đạo Phật, những hoạt động lễ lạt và số lượng người tham dự ngày càng tăng.

Tại sao và làm thế nào các tôn giáo tín ngưỡng đó có thể tồn tại và tái phát triển nhanh chóng; đây là một câu hỏi rất lý thú, nhưng chúng ta có thể tập trung hơn vào tìm hiểu xem có thể vận dụng vận động đó như thế nào để chuyển thành động lực phát triển cho xã hội. Trước hết, tôn giáo luôn được coi là thiết chế bền vững để duy trì đạo đức, tức là mối quan hệ giữa người với người trong xã hội. Nếu luật pháp là kết nối cứng bắt các thành viên phải tuân theo, thì đạo đức trong tôn giáo còn mở rộng thêm phạm vi qui định, và linh hoạt điều hòa mối quan hệ giữa các thành viên, không bắt buộc nhưng lại có ảnh hưởng mạnh hơn thông qua các liên kết mang tính cá nhân, gia đình và cộng đồng. Liên hiệp quốc coi truyền thông phát triển là phương tiện hiệu quả nhất để giúp các cộng đồng thực hiện mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030, mà kênh liên lạc qua tôn giáo tín ngưỡng đã có sẵn độ tin cậy, tức là khoản vốn xã hội của mình, như khái niệm của Robert Putnam. Giống như ngân hàng trợ giúp tài chính của người Hồi giáo, lòng tin của những con người cùng tín ngưỡng có thể được biến thành nguồn tín dụng trong kinh doanh. Ngoài ra, chính bản thân tôn giáo tín ngưỡng đã là một giá trị văn hóa mà thông qua du lịch có thể chuyển thành giá trị tiền tệ.

### **Bản sắc trong mối quan hệ nối kết**

Tập sách này cũng đặt vấn đề về cách hiểu khái niệm bản sắc trong tiếng Việt, vốn bị cách chiết tự tạo ra ý nghĩa lệch lạc, phần nào thiên về cách hiểu đặc tính gốc trong quá khứ, hơn là tiếp nhận đương đại của các ngành khoa học xã hội và nhân văn. Bản sắc, trong thế giới đã toàn cầu hóa và liên tục biến động, cũng liên tục dịch chuyển để cá nhân và cộng đồng khẳng định vị trí của mình. Sự nối kết khiến cho những gì trước đó từng được dùng để xác định căn cước của cá nhân và tập thể có thay đổi, giao thoa hay trộn lẫn văn hóa, hay thậm chí thay đổi hệ tọa độ gốc và phép đo lường. Thế giới phẳng nhìn từ chỗ đứng của đế quốc nhưng có vẻ như thêm nhiều rào cản mới nhìn từ vị trí của thuộc địa. Con người sống ở bất kỳ đâu ngày càng giống nhau ở chỗ cùng có điện thoại thông minh nối kết vào mạng xã hội, nhưng hai con người sống cạnh nhau trong một gia đình trong cùng một ngôi nhà có thể ngày càng khác nhau ở chỗ sử dụng hệ điều hành khác nhau cho điện thoại – các khảo sát từng chỉ ra sự khác biệt giữa người dùng iPhone và android - và nối kết sâu vào các mạng xã hội hoàn toàn khác nhau – các khảo sát từng chỉ ra tư duy khác nhau của người chụp ảnh tự sướng cho lên Facebook và người giới hạn thông điệp trong vòng 140 từ trên Twitter. Bản sắc văn hóa trong nền kinh tế nối kết đã thay đổi hoàn toàn hệ trục tọa độ so với khái niệm về bản sắc từng được bàn luận trong thập niên trước. Con người và cộng đồng đã thay đổi hoàn toàn về tính chất trong thế giới mạng xã hội, mà trước kia bị gọi là ảo, thì nay trở thành một thứ đời thực khó rút chân ra. Bản sắc ngày hôm nay còn có thể được biến thành giá trị vật chất, giống như người được nhiều truy cập được Youtube trả tiền, hay người nổi tiếng được nhãn hàng chi trả cho bài viết quảng cáo trên Facebook. Bản sắc văn hóa dân tộc mà một cá nhân đem theo mình có thể trở thành món hàng hóa trên mạng để hoán chuyển giá trị thành vốn tiền tệ hay xã hội. Mất bản sắc, do vậy, cũng giống như là mất tiền hay mất nguồn vốn đầu tư vậy.

## **Kiểu hồi văn hóa**

Đây là một vấn đề liên quan rất nhiều đến sự hoạt động của Hội thảo hè, vì tạo ra liên kết xuyên biên giới giữa các cộng đồng người Việt. Quá trình kết nối toàn cầu khiến cho nhiều nguồn vốn văn hóa có cơ hội nhanh chóng chảy vào chỗ thấp hơn. Mạng Internet vào thập niên 1990s mở cửa cho những người Việt học và làm việc trong ngành điện toán liên lạc với nhau qua công nghệ chat IRC, và diễn đàn thư tín VOC hiện vẫn đang còn được duy trì như danh sách điện thư. Thời cao điểm của Yahoo 360 giới tri thức có điều kiện phát biểu và tự biến mình thành một trang báo mạng bằng chế độ blog, không cần phải chờ xét duyệt như Talawas hay phải liên tục tham gia như cơ chế diễn đàn Xa Mẹ và TTVNOL. Ngày nay với sự hỗ trợ kỹ thuật của điện thoại cầm tay thế hệ thông minh và mạng xã hội Facebook, các nhóm cùng quan điểm và chí hướng có thể tạo ra mối liên kết xã hội dân sự vượt khỏi không gian và thời gian. Đó chính là những kênh dẫn cho phép kiểu hồi tài chính bên cạnh kiểu hồi văn hóa chảy trực tiếp vào nơi cần nhận ở Việt Nam, không cần phải thông qua các tổ chức chịu sự kiểm soát của chính phủ. Trang mạng chỉ chuyên điểm báo của GS Trần Hữu Dũng cũng có thể trở thành một nguồn quan điểm thông qua góc nhìn xã hội được thể hiện bằng những câu bình luận đầy thuyết phục và gợi mở cho tri thức tiếng Việt, và đồng thời cũng là kênh liên lạc để tạo ra những cuộc gặp mặt như các kỳ Hội thảo hè, mở tiếp đường cho các mối quan hệ và dự án dân sự.

Sự khác biệt giữa kiểu hồi văn hóa so với kiểu hồi tiền tệ truyền thống là chưa có phương pháp tính cụ thể để định lượng hóa dòng chảy của vốn văn hóa và vốn xã hội qua các kênh liên lạc, cũng như để đo đạc hiệu quả và tác động của dòng chảy này vào sự thay đổi của xã hội. Hiện tại, trong thời gian 1 năm viết sách, tác giả mong đón nhận được những quan sát từ giới hoạt động dân sự để có thêm dữ liệu nhằm khái quát và thực tiễn hóa hệ thống lý thuyết cơ sở về bản sắc văn hóa trong nền kinh tế nối kết. Bên cạnh đó, các nhà nghiên cứu quan tâm đến trật tự thế giới mới trong cách nhìn về một Nền kinh tế nối kết như tác giả thì có thể nối tiếp loạt sách về đề tài này (Hiện đã hình thành nội dung cho 4 quyển, 2 quyển trước là Giá trị thặng dư trong Nền kinh tế nối kết và Truyền thông phát triển trong Nền kinh tế nối kết, quyển tiếp theo là Phát triển đô thị trong Nền kinh tế nối kết, sẽ là tập hợp bài viết của các học giả cùng tham gia Hội thảo quốc tế do Dự án thành lập khoa ĐNÁ của Đại học Oxford tổ chức tại thủ đô Jakarta của Indonesia, tiểu ban về các vấn đề của cuộc sống đô thị đương đại ở Việt Nam trong mối quan hệ so sánh với một số nước Đông Nam Á).

## **Nguồn tham khảo:**

Bourdieu, Pierre 1998, The forms of Capital

Levitt, Peggy 2005, Social Remittances – Culture as a Development Tool

Putnam, Robert 1995 Bowling Alone – America’s Declining Social Capital

Appadurai, Arjun 1990 Disjuncture and Difference in Global Cultural Economy

Taylor, Phillip ed. 2007 Modernity and Re-enchantment: Religion in Post-revolutionary Vietnam

Lê Thanh Hải 2009, Chủ nghĩa dân tộc – một tiến trình lịch sử của văn hóa, Talawas, tạp chí mùa thu

Lê Thanh Hải 2011, The making of the Vietnamese-ness: negotiations of the Vietnamese identities in the 2000s, PhD thesis, Polish Academy of Science, Institute of Philosophy and Sociology

Lê Thanh Hải 2016, Giá trị thặng dư trong Nền kinh tế nổi kết, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật

Lê Thanh Hải 2017, Truyền thông phát triển trong Nền kinh tế nổi kết, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật